

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Xi măng Sông Đà Yaly (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2008.

Công ty Cổ phần Xi măng Sông Đà Yaly là Công ty cổ phần được thành lập theo Quyết định số 936/QĐ/BXD ngày 03 tháng 7 năm 2003 của Bộ Xây dựng về việc chuyển Công ty Xi măng Sông Đà Yaly từ doanh nghiệp Nhà nước thuộc Tổng Công ty Sông Đà thành công ty Cổ phần.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 390300019 đăng ký lần đầu ngày 22/07/2003 và thay đổi lần thứ năm ngày 08/08/2007 do Sở Kế hoạch - Đầu tư Tỉnh Gia Lai cấp, lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Sản xuất và kinh doanh sản phẩm Xi măng Sông Đà.
- Sản xuất và kinh doanh vỏ bao xi măng, vật liệu xây dựng.
- Khai thác đá bằng phương pháp khoan nổ mìn.
- Vận chuyển xi măng và vật liệu xây dựng bằng phương tiện cơ giới đường bộ theo các hợp đồng kinh tế ký kết với khách hàng.
- Kinh doanh vật liệu phi quặng, sắt thép xây dựng, xăng, dầu nhớt.
- Kinh doanh vật tư, thiết bị, phụ tùng sửa chữa máy xây dựng, ô tô vận tải, sửa chữa trung đại tu ô tô.
- Khai thác cát bằng phương tiện tàu hút, gầu nặng.
- Sản xuất điện, phân phối và kinh doanh điện.
- Trang trí nội thất, xây dựng công trình dân dụng, xây dựng công trình thủy lợi, xây dựng công trình giao thông, xây dựng công trình công nghiệp (xây lắp điện).
- Sản xuất và kinh doanh phân bón các loại.
- Khai thác và thu gom than bùn.
- Mua bán khí đốt hóa lỏng (ga).
- Nhận ủy thác đầu tư của các tổ chức và cá nhân.

Công ty có các đơn vị thành viên sau:

Tên	Địa chỉ
- Xí nghiệp 1	Xã Nghĩa Hưng, huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai
- Xí nghiệp 3	Xã Nghĩa Hưng, huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai
- Chi nhánh Đắc Lắc	42 Nguyễn Chí Thanh – TP Buôn Ma Thuột – tỉnh Đăk Lăk

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông: Phạm Văn Dung	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 9/7/2008
--------------------	----------	--------------------------

Ông: Lương Văn Sơn	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 10/7/2008
Ông: Phạm Văn Dung	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 9/7/2008
Ông: Đỗ Quang Trung	Ủy viên	
Ông: Bùi Đình Đông	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 5/4/2008
Ông: Nguyễn Hải Sơn	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 5/4/2008
Ông: Ngô Minh Tuấn	Ủy viên	
Ông: Lương Bá Quang	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 9/7/2008

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông: Phạm Văn Dung	Tổng Giám đốc
Ông: Đỗ Quang Trung	Phó Tổng Giám đốc
Ông: Lương Bá Quang	Phó Tổng Giám đốc
Ông: Nguyễn Hải Sơn	Kế toán trưởng

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông: Phạm Xuân Toán	Trưởng ban
Ông: Khương Đức Dũng	Thành viên
Ông: Lê Gia Lộc Sơn	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC) đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2008 cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2008. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân

Công ty Cổ phần Xi măng Sông Đà Yaly

Địa chỉ: Xã Nghĩa Hưng – huyện Chư păh – tỉnh Gia Lai

thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám Đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2008, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 38/2007/TT-BTC ngày 18/04/2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Gia Lai, ngày 14 tháng 1 năm 2009

TM. Ban Giám đốc

Tổng Giám đốc



Phạm Văn Dung



Số : ~~55/2009~~/BCKT/TC.AASC.KT5

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

*Về Báo cáo Tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2008
của Công ty Cổ phần Xi măng Sông Đà Yaly*

Kính gửi : Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Xi măng Sông Đà Yaly

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2008 của Công ty lập ngày 14 tháng 1 năm 2009 gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2008, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2008 từ trang 6 đến trang 21 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến:

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên:

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Xi măng Sông Đà Yaly tại ngày 31 tháng 12 năm 2008, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2008, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

**Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính
Kế toán và Kiểm toán
Phó Tổng Giám đốc**

Nguyễn Thanh Tùng

Chứng chỉ KTV số: Đ0063/KTV

Hà Nội, ngày 25 tháng 2 năm 2009

Kiểm toán viên

Hoàng Anh Tuấn

Chứng chỉ KTV số: 0940/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2008	01/01/2008
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		152.004.926.651	164.855.026.619
I. Tiền và các khoản tương đương tiền		19.681.148.173	18.005.810.888
1. Tiền	3	19.681.148.173	18.005.810.888
2. Các khoản tương đương tiền		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		-	-
1. Đầu tư ngắn hạn		-	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn		87.753.735.529	118.703.119.336
1. Phải thu khách hàng		86.246.219.586	118.545.585.623
2. Trả trước cho người bán		229.925.554	151.042.063
3. Các khoản phải thu khác	4	1.277.590.389	764.114.017
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)		-	(757.622.367)
IV. Hàng tồn kho		41.559.135.614	26.294.682.226
1. Hàng tồn kho	5	41.559.135.614	26.294.682.226
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác		3.010.907.335	1.851.414.169
1. Chi phí trả trước ngắn hạn		-	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ		2.570.004.848	820.560.356
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		-	-
4. Tài sản ngắn hạn khác		440.902.487	1.030.853.813
B. TÀI SẢN DÀI HẠN		32.555.869.303	29.417.299.072
I. Các khoản phải thu dài hạn		68.246.415	957.008.415
4. Phải thu dài hạn khác		68.246.415	957.008.415
II. Tài sản cố định		22.459.710.231	21.606.141.023
1. Tài sản cố định hữu hình	6	16.034.958.758	17.751.265.752
- Nguyên giá		110.779.306.292	108.794.567.291
- Giá trị hao mòn lũy kế		(94.744.347.534)	(91.043.301.539)
3. Tài sản cố định vô hình	7	3.093.083.472	-
- Nguyên giá		3.100.260.000	-
- Giá trị hao mòn lũy kế		(7.176.528)	-
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	8	3.331.668.001	3.854.875.271
III. Bất động sản đầu tư		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn		5.207.500.000	3.707.500.000
1. Đầu tư vào công ty con		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	9	5.207.500.000	3.707.500.000
V. Tài sản dài hạn khác		4.820.412.657	3.146.649.634
1. Chi phí trả trước dài hạn	10	4.820.412.657	3.146.649.634
2. Tài sản dài hạn khác		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN		184.560.795.954	194.272.325.691

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2008	01/01/2008
A. NỢ PHẢI TRẢ		152.270.066.159	163.784.499.901
I. Nợ ngắn hạn		146.783.027.094	149.543.971.601
1. Vay và nợ ngắn hạn	11	47.926.204.835	44.267.046.580
2. Phải trả người bán		32.798.447.757	37.461.044.703
3. Người mua trả tiền trước		53.930.199.787	58.244.144.907
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	12	1.213.896.482	1.432.961.096
5. Phải trả người lao động		2.706.672.905	2.062.128.908
6. Chi phí phải trả		-	-
7. Phải trả nội bộ		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	13	8.207.605.328	6.076.645.407
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn		-	-
II. Nợ dài hạn		5.487.039.065	14.240.528.300
1. Phải trả dài hạn người bán		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ		-	-
3. Phải trả dài hạn khác		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	14	5.400.000.000	14.189.604.460
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm		87.039.065	50.923.840
7. Dự phòng phải trả dài hạn		-	-
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		32.290.729.795	30.487.825.790
I. Vốn chủ sở hữu	15	31.125.909.486	29.878.157.709
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		15.000.000.000	15.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần		-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu		-	-
4. Cổ phiếu quỹ (*)		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển		12.433.511.481	11.618.411.336
8. Quỹ dự phòng tài chính		738.114.609	985.893.722
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		2.954.283.396	2.273.852.651
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		1.164.820.309	609.668.081
1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		1.164.820.309	609.668.081
2. Nguồn kinh phí		-	-
3. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		184.560.795.954	194.272.325.691

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008

Chỉ tiêu	Thuyết minh	31/12/2008	01/01/2009
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại		-	-
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Người lập biểu



Bùi Thị Vân

Kế toán trưởng



Nguyễn Hải Sơn

Gia Lai, ngày 14 tháng 01 năm 2009

Tổng Giám đốc



Phạm Văn Dung

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH
Năm 2008

Đơn vị tính: VND

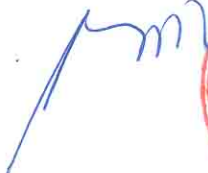
Chỉ tiêu	Thuyết minh	2008	2007
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	16	259.483.341.022	190.372.865.279
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	17	888.315.735	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	18	258.595.025.287	190.372.865.279
4. Giá vốn hàng bán	19	245.302.680.091	181.226.480.857
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		13.292.345.196	9.146.384.422
6. Doanh thu hoạt động tài chính	20	844.775.340	316.188.238
7. Chi phí tài chính	21	9.654.996.004	7.606.279.166
- Trong đó: Chi phí lãi vay		9.654.996.004	5.355.065.846
8. Chi phí bán hàng		2.223.947.499	1.817.093.757
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		7.236.068.946	6.324.340.052
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(4.977.891.913)	(6.285.140.315)
11. Thu nhập khác		11.437.595.558	10.583.693.970
12. Chi phí khác		487.643.358	153.666.370
13. Lợi nhuận khác		10.949.952.200	10.430.027.600
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		5.972.060.287	4.144.887.285
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	22	291.817.554	298.819.126
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN		<u>5.680.242.733</u>	<u>3.846.068.159</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	23	3.787	2.564
Mệnh giá cổ phiếu : 10.000đ			

Người lập biểu



Bùi Thị Vân

Kế toán trưởng



Nguyễn Hải Sơn

Gia Lai, ngày 14 tháng 01 năm 2009

Tổng Giám đốc




Phạm Văn Dung

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Năm 2008

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Thuyết minh	2008	2007
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		180.401.811.051	143.301.513.583
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(134.739.780.658)	(37.127.695.038)
3. Tiền chi trả cho người lao động		(15.181.764.462)	(12.276.896.122)
4. Tiền chi trả lãi vay		(9.039.465.433)	(5.355.065.846)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp		(276.273.577)	(84.210.614)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		189.039.306.648	111.640.162.509
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(201.368.726.750)	(106.167.345.746)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		8.835.106.819	93.930.462.726
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(140.500.076)	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản DH khác			1.183.627.080
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		564.145.649	276.546.123
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		423.645.573	1.460.173.203
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các CSH, mua lại cổ phiếu của DN đã PH		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		131.096.915.752	-
4. Tiền chi trả nợ gốc vay		(136.580.330.859)	(97.944.227.561)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(2.100.000.000)	(840.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(7.583.415.107)	(98.784.227.561)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		1.675.337.285	(3.393.591.632)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		18.005.810.888	21.399.402.520
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ		19.681.148.173	18.005.810.888

Gia Lai, ngày 14 tháng 01 năm 2009

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Bùi Thị Vân

Nguyễn Hải Sơn



Phạm Văn Dung

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2008

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Xi măng Sông Đà Yaly là Công ty cổ phần được thành lập theo Quyết định số 936/QĐ/BXD ngày 03 tháng 7 năm 2003 của Bộ Xây dựng về việc chuyển Công ty Xi măng Sông Đà Yaly từ doanh nghiệp Nhà nước thuộc Tổng Công ty Sông Đà thành công ty Cổ phần.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Xã Nghĩa Hưng, huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai.

Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là xây lắp; sản xuất và kinh doanh sản phẩm xây dựng.

Ngành nghề kinh doanh:

- Sản xuất và kinh doanh sản phẩm Xi măng Sông Đà.
- Sản xuất và kinh doanh vỏ bao xi măng, vật liệu xây dựng.
- Khai thác đá bằng phương pháp khoan nổ mìn.
- Vận chuyển xi măng và vật liệu xây dựng bằng phương tiện cơ giới đường bộ theo các hợp đồng kinh tế ký kết với khách hàng.
- Kinh doanh vật liệu phi quặng, sắt thép xây dựng, xăng, dầu nhớt.
- Kinh doanh vật tư, thiết bị, phụ tùng sửa chữa máy xây dựng, ô tô vận tải, sửa chữa trung đại tu ô tô.
- Vận tải thủy, khai thác cát bằng phương tiện tàu hút, gầu nặng.
- Vận chuyển vật liệu nổ phục vụ công trường.
- Sản xuất điện, phân phối và kinh doanh điện.
- Trang trí nội thất, xây dựng công trình dân dụng, xây dựng công trình thủy lợi, xây dựng công trình giao thông, xây dựng công trình công nghiệp (xây lắp điện).
- Sản xuất và kinh doanh phân bón các loại.
- Khai thác và thu gom than bùn.

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng:

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Nguyên tắc xác định các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Nguyên tắc ghi nhận dự phòng nợ phải thu khó đòi

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ ba tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà đơn vị nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại

Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền tháng.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho đó.

Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định:

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao TSCĐ được trích theo phương pháp đường thẳng, thời gian khấu hao được ước tính theo phương pháp sau:

-	Nhà cửa vật kiến trúc	5-50 năm
-	Máy móc thiết bị	5-12 năm
-	Phương tiện vận tải	6-10 năm
-	Thiết bị quản lý	3-10 năm

Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Khoản đầu tư góp vốn được kế toán theo phương pháp giá gốc

Các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn;
- Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong nhiều năm:

- Chi phí vật tư xuất dùng, sửa chữa dây chuyền 82.000 tấn/năm;
- Chi phí sửa chữa lớn;
- Chi phí bi đạn tẩm lót băng tải;
- Chi phí bảo hiểm dây chuyền 100.000 tấn/năm, bảo hiểm cháy và các rủi ro đặc biệt, bảo hiểm xe ô tô;
- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;
- Các chi phí khác

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu:

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo khoản bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng cân đối kế toán của Công ty. Cổ tức được tính trên cơ sở số vốn góp của cổ đông và tỷ lệ cổ tức do Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Nguyên tắc ghi nhận các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VNĐ/USD) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm này. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính:

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản thuế

Thuế hiện hành:

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

VO3
ÔNG
VỤ T
INH K
SIEM T
CH

3 . TIỀN

	31/12/2008	01/01/2008
	VND	VND
Tiền mặt	1.782.107.916	1.732.930.616
Tiền gửi ngân hàng	14.899.040.257	16.272.880.272
Tiền đang chuyển	3.000.000.000	-
	19.681.148.173	18.005.810.888

4 . CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2008	01/01/2008
	VND	VND
Phải thu Tổng Công ty Sông Đà	226.008.118	167.359.098
Phải thu người lao động	84.311.530	106.094.440
Phải thu khác	967.270.741	490.660.479
	1.277.590.389	764.114.017

5 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2008	01/01/2008
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	12.480.621.886	7.651.411.930
Công cụ, dụng cụ	71.134.150	43.624.616
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	19.832.326.642	9.427.385.394
Thành phẩm	7.698.120.175	5.781.129.170
Hàng hóa	1.476.932.761	3.391.131.116
	41.559.135.614	26.294.682.226

6 . TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ QL	Cộng
I - Nguyên giá TSCĐ					
1 Số dư đầu năm	2.927.283.599	82.711.201.321	22.771.066.371	385.016.000	108.794.567.291
2 Số tăng trong năm	391.145.841	1.572.229.524	-	21.363.636	1.984.739.001
- Mua trong năm	-	-	-	21.363.636	21.363.636
- Đầu tư XD CB hoàn thành	391.145.841	1.572.229.524	-	-	1.963.375.365
3 Số giảm trong năm	-	-	-	-	-
4 Số dư cuối năm	3.318.429.440	84.283.430.845	22.771.066.371	406.379.636	110.779.306.292
II - Giá trị hao mòn lũy kế					
1 Số dư đầu năm	1.733.185.231	67.977.605.031	21.064.600.438	267.910.839	91.043.301.539
2 Khấu hao trong năm	187.937.975	2.476.247.138	1.006.392.058	30.468.824	3.701.045.995
3 Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
4 Số dư cuối năm	1.921.123.206	70.453.852.169	22.070.992.496	298.379.663	94.744.347.534
III - Giá trị còn lại					
1 Tại ngày đầu năm	1.194.098.368	14.733.596.290	1.706.465.933	117.105.161	17.751.265.752
2 Tại ngày cuối năm	1.397.306.234	13.829.578.676	700.073.875	107.999.973	16.034.958.758

7 . TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Quyền phát hành	Bản quyền Bảng sáng chế	TSCĐ vô hình khác	Cộng
I - Nguyên giá TSCĐ					
1 Số dư đầu năm	-	-	-	-	-
2 Số tăng trong năm	3.100.260.000	-	-	-	3.100.260.000
- Mua trong năm	-	-	-	-	-
- Đầu tư XD CB hoàn thành	3.100.260.000	-	-	-	3.100.260.000
3 Số giảm trong năm	-	-	-	-	-
4 Số dư cuối năm	3.100.260.000	-	-	-	3.100.260.000
II - Giá trị hao mòn lũy kế					
1 Số dư đầu năm	-	-	-	-	-
2 Khấu hao trong năm	7.176.528	-	-	-	7.176.528
3 Giảm trong năm	-	-	-	-	-
4 Số dư cuối năm	7.176.528	-	-	-	7.176.528
III - Giá trị còn lại					
1 Tại ngày đầu năm	-	-	-	-	-
2 Tại ngày cuối năm	3.093.083.472	-	-	-	3.093.083.472

8 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2008	01/01/2008
	VND	VND
- Chi phí nhà máy NPK	1.564.191.236	1.564.191.236
- Chi phí thiết bị dây chuyền nghiền 100.000 tấn/năm	-	380.854.627
- Chi phí khu đất Đăk Lăk	-	1.000.000.000
- Chi phí sửa chữa tài sản cố định	989.541.780	423.808.941
- Các chi phí khác	777.934.985	486.020.467
	3.331.668.001	3.854.875.271

9 . ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN KHÁC

	31/12/2008	01/01/2008
	VND	VND
- Đầu tư góp vốn	5.207.500.000	3.707.500.000
Đầu tư góp vốn vào Công ty CP Sông Đà 3	2.500.000.000	1.000.000.000
Đầu tư góp vốn vào Công ty CP Sông Đà 6	2.707.500.000	2.707.500.000
	5.207.500.000	3.707.500.000

Theo Nghị quyết HĐQT số 02/2006 của Công ty Cổ phần Xi măng Sông Đà Yaly thì:

- Công ty sẽ thực hiện đầu tư vào Công ty CP Sông Đà 3: 100.000 CP (tương đương với 1.000.000.000 đồng). Trong năm 2008 Công ty CP Sông Đà 3 thực hiện tăng vốn, Công ty CP Xi măng Sông Đà Yaly được hưởng quyền mua 137.000 CP tương đương với 1.370.000.000 đồng, đồng thời Công ty Cổ phần Sông Đà 3 trả cổ tức năm 2007 bằng cổ phiếu với tỷ lệ chi trả 13% tương đương với 13.000 CP. Tổng số cổ phiếu Công ty Cổ phần Xi măng Sông Đà Yaly nắm giữ tại thời điểm 31/12/2008 là: 250.000 cổ phiếu, tương đương với tỷ lệ nắm giữ 3,125%
- Công ty sẽ thực hiện đầu tư vào Công ty Cổ phần Sông Đà 6: 150.000 CP (tương đương với 1.500.000.000 đồng). Trong năm 2007 Công ty Cổ phần Sông Đà 6 thực hiện tăng vốn, Công ty CP Xi măng Sông Đà Yaly được hưởng quyền mua 102.750 CP tương đương với 1.207.500.000 đồng. Tổng số cổ phiếu Công ty Cổ phần Xi măng Sông Đà Yaly nắm giữ tại thời điểm 31/12/2008 là: 207.500 cổ phiếu, tương đương với tỷ lệ nắm giữ 3,38%

10 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2008	01/01/2008
	VND	VND
- Bị phạt tầm lốt	747.786.632	879.847.979
- Chi phí sửa chữa	1.194.857.089	928.848.548
- Thiết bị cài đặt mạng lan	101.228.250	122.295.982
- Vật tư xuất dùng có giá trị lớn	1.399.457.428	293.086.759
- Chi phí trả trước dài hạn khác	1.377.083.258	922.570.366
	4.820.412.657	3.146.649.634

11 . VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	31/12/2008	01/01/2008
	VND	VND
Vay ngắn hạn NH Đầu tư và Phát triển Việt Nam-PGD Bắc Gia Lai	44.926.204.835	44.267.046.580
Nợ dài hạn đến hạn trả (NH ĐT và PT Việt Nam-PGD Bắc Gia Lai)	3.000.000.000	-
	<u>47.926.204.835</u>	<u>44.267.046.580</u>

Các khoản vay ngắn hạn

Số hợp đồng vay/Khế ước	Bên cho vay	Lãi suất vay	Thời hạn vay	Tổng giá trị khoản vay	Số dư nợ gốc	Đơn vị tính: VND Phương thức đảm bảo khoản vay
16739	Ngân hàng ĐT & PT VN-CN GL	17,5%	6 tháng	9.611.463.845	9.611.463.845	
15888	Ngân hàng ĐT & PT VN-CN GL	20%	6 tháng	9.156.400.000	9.156.400.000	
16252	Ngân hàng ĐT & PT VN-CN GL	18,20%	6 tháng	8.304.000.000	8.304.000.000	
17893	Ngân hàng ĐT & PT VN-CN GL	11,50%	6 tháng	5.536.468.453	5.536.468.453	
17909	Ngân hàng ĐT & PT VN-CN GL	11,50%	6 tháng	3.397.600.000	3.397.600.000	
Khác	Ngân hàng ĐT & PT VN-CN GL		6 tháng	24.579.272.537	8.920.272.537	
				<u>60.585.204.835</u>	<u>44.926.204.835</u>	

12 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2008	01/01/2008
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	729.996.150	1.374.230.617
Thuế thu nhập doanh nghiệp	407.406.859	43.021.039
Thuế thu nhập cá nhân	46.948.353	-
Thuế tài nguyên	7.516.920	5.891.040
Các loại thuế khác	9.500.000	-
Các khoản thuế khác, phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	12.528.200	9.818.400
	<u>1.213.896.482</u>	<u>1.432.961.096</u>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về quyết toán thuế với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

13 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2008	01/01/2008
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	139.938.015	101.027.444
Các khoản phải trả, phải nộp khác	8.067.667.313	5.975.617.963
	<u>8.207.605.328</u>	<u>6.076.645.407</u>

14 . VAY DÀI HẠN VÀ NỢ DÀI HẠN

	31/12/2008	01/01/2008
	VND	VND
Vay dài hạn	5.400.000.000	14.189.604.460
-Vay dài hạn ngân hàng ĐT&PT Việt Nam-PGD Bắc Gia Lai	5.400.000.000	14.189.604.460
	<u>5.400.000.000</u>	<u>14.189.604.460</u>

Các khoản vay dài hạn

Đơn vị tính: VND

Số hợp đồng vay	Bên cho vay	Lãi suất vay	Thời hạn vay	Tổng giá trị khoản vay	Số dư nợ gốc	Số nợ gốc phải trả kỳ tới	Phương thức đảm bảo khoản
01/2006/HĐ	Chi nhánh ngân hàng Đầu tư và Phát triển Gia Lai		5 năm	14.000.000.000	8.400.000.000	3.000.000.000	

15.VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của CSH	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối
Số dư đầu năm trước	15.000.000.000	10.597.693.320	683.436.509	2.423.430.314
Tăng trong năm trước	-	1.020.718.016	302.457.213	3.846.068.159
Lãi trong năm trước	-	-	-	-
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-
Tăng khác	-	-	-	-
Giảm trong năm trước	-	-	-	3.995.645.822
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-
Số dư cuối năm trước	15.000.000.000	11.618.411.336	985.893.722	2.273.852.651
Tăng vốn trong năm nay	-	-	-	-
Lãi trong năm nay	-	-	-	5.680.242.733
Tăng khác	-	1.267.374.070	257.754.521	-
Giảm vốn trong năm nay	-	-	-	-
Giảm khác	-	452.273.925	505.533.634	4.999.811.988
Số dư cuối năm	15.000.000.000	12.433.511.481	738.114.609	2.954.283.396

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Cuối năm	Tỷ lệ %	Đầu năm	Tỷ lệ %
Vốn góp của Nhà nước	8.000.000.000	53,33	8.000.000.000	53,33
Vốn góp của các đối tượng khác	7.000.000.000	46,67	7.000.000.000	46,67
- Do pháp nhân nắm giữ	3.000.000.000	20,00	3.000.000.000	20,00
- Do thể nhân nắm giữ	4.000.000.000	26,67	4.000.000.000	26,67
Cộng	15.000.000.000		15.000.000.000	

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	2008	2007
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	15.000.000.000	15.000.000.000
- Vốn góp tăng trong năm	-	-
- Vốn góp giảm trong năm	-	-
- Vốn góp cuối năm	15.000.000.000	15.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	2.250.000.000	-
- Từ kết quả kinh doanh năm 2007	2.250.000.000	
- Chi trả bằng tiền	2.100.000.000	
- Đối trừ công nợ	150.000.000	

d) Cổ phiếu

	Cuối năm	Đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	1.500.000	1.500.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	1.500.000	1.500.000
- Cổ phiếu phổ thông	1.500.000	1.500.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.500.000	1.500.000
- Cổ phiếu phổ thông	1.500.000	1.500.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành:	10.000	10.000

16 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	2008	2007
	VND	VND
Tổng doanh thu	259.483.341.022	190.372.865.279
- Doanh thu bán sản phẩm	249.020.202.101	180.395.131.736
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	10.463.138.921	9.977.733.543
	259.483.341.022	190.372.865.279

17 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	2008	2007
	VND	VND
Giảm giá hàng bán	204.609.009	-
Hàng bán bị trả lại	683.706.726	-
	888.315.735	-

18 . DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	2008	2007
	VND	VND
Doanh thu thuần bán sản phẩm	248.131.886.366	190.372.865.279
Doanh thu thuần dịch vụ	10.463.138.921	-
	258.595.025.287	190.372.865.279

19 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	2008	2007
	VND	VND
Giá vốn của sản phẩm đã bán	245.302.680.091	181.226.480.857
	245.302.680.091	181.226.480.857

20 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2008	2007
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	98.775.340	91.188.238
Cổ tức, lợi nhuận được chia	746.000.000	225.000.000
	844.775.340	316.188.238

21 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	2008	2007
	VND	VND
Lãi tiền vay	9.654.996.004	5.355.065.846
Chi phí tài chính khác	-	2.251.213.320
	<u>9.654.996.004</u>	<u>7.606.279.166</u>

22 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	2008	2007
	VND	VND
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	291.817.554	298.819.126
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước và chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	-	-
	<u>291.817.554</u>	<u>298.819.126</u>

23 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau

	2008	2007
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	5.680.242.733	3.846.068.159
Trừ:	-	-
- Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	5.680.242.733	3.846.068.159
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	1.500.000	1.500.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>3.787</u>	<u>2.564</u>

24 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này

25 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Số dư với các bên liên quan tại thời điểm 31/12

	Mối quan hệ	31/12/2008	31/12/2007
		VND	VND
Góp vốn vào Công ty			
- Công ty Cổ phần Sông Đà 3	Thành viên góp vốn	2.500.000.000	1.000.000.000
- Công ty Cổ phần Sông Đà 6	Thành viên góp vốn	2.707.500.000	2.707.500.000

Theo Nghị quyết HĐQT số 02/2006 của Công ty Cổ phần Xi măng Sông Đà Yaly thì:

- Công ty sẽ thực hiện đầu tư vào Công ty CP Sông Đà 3: 100.000 CP (tương đương với 1.000.000.000 đồng). Trong năm 2008 Công ty CP Sông Đà 3 thực hiện tăng vốn, Công ty CP Xi măng Sông Đà Yaly được hưởng quyền mua 137.000 CP tương đương với 1.370.000.000 đồng, đồng thời Công ty Cổ phần Sông Đà 3 trả cổ tức năm 2007 bằng cổ phiếu với tỷ lệ chi trả 13% tương đương với 13.000 CP. Tổng số cổ phiếu Công ty Cổ phần Xi măng Sông Đà Yaly nắm giữ tại thời điểm 31/12/2008 là: 250.000 cổ phiếu, tương đương với tỷ lệ nắm giữ 3,125%
- Công ty sẽ thực hiện đầu tư vào Công ty Cổ phần Sông Đà 6: 150.000 CP (tương đương với 1.500.000.000 đồng). Trong năm 2007 Công ty Cổ phần Sông Đà 6 thực hiện tăng vốn, Công ty CP Xi măng Sông Đà Yaly được hưởng quyền mua 102.750 CP tương đương với 1.207.500.000 đồng. Tổng số cổ phiếu Công ty Cổ phần Xi măng Sông Đà Yaly nắm giữ tại thời điểm 31/12/2008 là: 207.500 cổ phiếu, tương đương với tỷ lệ nắm giữ 3,38%

26 . NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

Thuế Giá trị gia tăng: áp dụng mức thuế suất là 10%.

Thuế Thu nhập doanh nghiệp:

Áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 10%;

Được miễn 2 năm và giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong 5 năm tiếp theo kể từ khi có thu nhập chịu thuế. Do đó, Công ty sẽ được miễn thuế trong 2 năm là năm 2003, năm 2004 và được giảm 50% trong 5 năm tiếp theo từ 2005 đến 2010. Như vậy, năm 2008 là năm thứ 4 Công ty được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp.

27 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007 đã được Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC kiểm toán .

Người lập biểu



Bùi Thị Vân

Kế toán trưởng



Nguyễn Hải Sơn

Gia Lai, ngày 14 tháng 01 năm 2009

Tổng Giám đốc



Phạm Văn Dung